

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TT H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **08/2020/HSST**

Ngày: 03/3/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TT H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Minh.
- Thẩm phán: Ông Trương Cao Sơn.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạnh.
Ông Nguyễn Tiến Nam.
Ông Dương Đắc Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TT H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trần Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H, Tòa án nhân dân tỉnh TT H mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2019/TLST-HS ngày 03/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HS ngày 14/02/2020 đối với:

Bị cáo Lê Trương Quỳnh T; giới tính: Nữ; sinh ngày 12 tháng 7 năm 1978; trú tại: Phòng 10/34 Khu tập thể XT, phường Thuận H, TP. H, tỉnh TT H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên của Sở V tỉnh TT H; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê Sỹ D, sinh năm: 1959, con bà Trương Thị Minh H, sinh năm: 1957, chồng: Vũ Nam Tr, sinh năm: 1978, con: có 02 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012); anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con đầu trong gia đình.

Quá trình nhân thân: Nhỏ sống với gia đình và đi học hết 12/12. Từ năm 2000 đến 2004 học Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (mở tại H). Năm 2010 vào làm nhân viên Sở v tỉnh TT H. Đến tháng 6/2018 xin nghỉ việc cho đến ngày bị bắt. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2018, có mặt.

Bị cáo từ chối người bào chữa.

- Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Nh; sinh năm: 1964, trú tại: Thôn H 1, xã V, huyện PV, tỉnh TT H. Có mặt

2. Anh Nguyễn S; sinh năm: 1985, trú tại: số 19 Kiệt 98 Nguyễn Phúc Ng, thành phố H. Có mặt

3. Bà Trần Thị Kim H; sinh năm: 1962, trú tại: 06/01 kiệt 7 Nguyễn Công T, thành phố H. Có mặt

4. Anh Trần Văn B; sinh năm: 1985, trú tại: 137 Trường C, thành phố H. Có mặt

5. Anh Nguyễn Đức Th; sinh năm: 1980, trú tại: 96 Lê Ngô Cát, thành phố H. Có mặt

6. Chị Võ Thị KL; sinh năm: 1980, trú tại: 24 Trần Nguyên Đ, thành phố H. Có mặt

7. Anh Nguyễn Công Th; sinh năm: 1977, trú tại: 27 Nguyễn Trường Tộ, thành phố H. Có đơn xin vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị L; sinh năm: 1972, trú tại: Thôn Cao Đồi Xã, xã L Trì, huyện Phú L, tỉnh TT H. Có mặt

2. Anh Vũ Nam Tr, sinh năm 1978 (Chồng bị cáo T). Trú tại: Phòng 10, dãy 34 Khu tập thể XT, thành phố H. Vắng mặt

Người làm chứng:

1. Anh Lê Văn L; sinh năm: 1985, trú tại: 18 Đinh T Hoàng, thành phố H. Vắng mặt

2. Anh Trương Quý H; sinh năm: 1978, Trú tại: Thôn Phú H, xã L V, huyện Phú L. Có mặt

3. Chị Thân Trọng Yến Kh, sinh năm 1996, trú tại: 24 Trần Nguyên Đ, phường Thuận H, thành phố H. Có đơn xin vắng mặt

4. Chị Nguyễn Thị Thiên N, sinh năm 1983, trú tại: 12/45 Nguyễn Gia Th, Phú H, thành phố H. Có đơn xin vắng mặt

5. Anh Trần Thái Th, sinh năm 1987, trú tại 79 Bến N, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lê Trương Quỳnh T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Lê Trương Quỳnh T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 h ngày 20/01/2017, tại quán cà phê “Cây Si”, đường Lê L, thành phố H. Thông qua chị Trần Thị L, Lê Trương Quỳnh T hẹn gặp chị L2 và chị Nguyễn Thị Nh. Tại đây, chị Nh nói có con gái tên là Trương Thị Mỹ L tốt nghiệp Trung cấp mầm non, muốn xin vào dạy tại trường mầm non xã Vinh A. T nói sẽ xin được 1 suất vào dạy tại trường mầm non xã Vinh A với chi

phí hết 90.000.000 đồng, số tiền này để lo quà cáp cho lãnh đạo và tiền xăng xe cho T, đến đầu tháng 3/2017 sẽ có quyết định biên chế vào dạy, nếu chị Nh đồng ý thì đưa trước cho T 1/2 số tiền, đến đầu tháng 3/2017 có quyết định vào dạy thì đưa hết số tiền còn lại, nếu qua tháng 3/2017 không có quyết định vào dạy thì T trả lại đầy đủ số tiền đã nhận. Tin tưởng lời T nói, chị Nh đồng ý và đưa trước cho T số tiền 30.000.000 đồng, kèm một bộ hồ sơ xin việc của chị Trương Thị Mỹ L. T viết giấy mượn tiền đưa cho chị Nh giữ, với nội dung T mượn của chị Nh số tiền 30.000.000 đồng.

Tiếp đó, ngày 09/02/2017, T điện thoại nói chị Nh đưa thêm số tiền 10.000.000 đồng để có danh sách thi tuyển đặc cách. Chị Nh đồng ý và hẹn ngày 10/02/2017 giao tiền. Khoảng 15h ngày 10/02/2017, T gặp chị Nh tại quán cà phê "HN" sau lưng Nhà văn hóa trung tâm tỉnh TT H, nhận số tiền 10.000.000 đồng, rồi viết thêm nội dung mượn tiền vào tờ giấy đã viết trước đó. Đến ngày 07/5/2017, T điện thoại nói cho chị Nh biết đang xét hồ sơ công chức, nhưng Linh chỉ có bằng Trung cấp không đủ điều kiện đặc cách phải đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng để lo, chị Nh đồng ý và hẹn ngày 08/5/2017 giao tiền. Khoảng 15h ngày 08/5/2017, T gặp chị Nh tại quán cà phê "HN" nhận số tiền 20.000.000 đồng, rồi viết thêm nội dung mượn tiền vào tờ giấy đã viết trước đó. Đến khoảng 20h cùng ngày, T điện thoại nói cho chị Nh biết, trường hợp của Linh phải xin trực tiếp được xét duyệt, không cần thi tuyển, ngày 09/5/2017 đưa thêm 30.000.000 đồng để lo cho Linh có tên danh sách vào dạy và hẹn chị Trương Thị Mỹ L đi cùng để nhận quyết định, chị Nh đồng ý. Khoảng 15 h ngày 09/5/2017, T gặp chị Nh; chị L và chị L2 tại quán cà phê "HN". T nhận của chị Nh số tiền 30.000.000 đồng, viết thêm nội dung mượn tiền vào tờ giấy đã viết trước đó, rồi đưa tờ giấy cho chị Nh cất giữ. T đưa riêng cho chị L2 số tiền 10.000.000 đồng, nói chị L2 cất giữ để xăng xe đi lại.

Quá thời hạn T cam kết xin việc, chị Nh nhiều lần L hệ với T để hỏi nhưng T cứ hẹn lần nữa. Chị Nh viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an. Như vậy, Lê Trương Quỳnh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Nh số tiền là 90.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: hiện T đã trả lại cho chị Nh được 50.000.000 đồng và tự nguyện giao xe mô tô biển kiểm soát 75 L1 - 2440 của T cho chị Nh cất giữ để làm tin, chị Nh đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TT H để điều tra xử lý. Chị L2 đã trả lại cho chị Nh 10.000.000 đồng, số tiền 30.000.000 đồng còn lại, chị Nh không yêu cầu T bồi thường.

Vụ thứ 2: Thông qua anh Trần Thái Th, Anh Nguyễn S đã L hệ để gặp T. Khoảng 09h 30 phút ngày 04/10/2017, tại quán cà phê ở Nhà sách "PN", đường Lê L, TP H, anh S gặp T, anh S cho biết có em gái tên là Nguyễn Thị Th tốt nghiệp Cao đẳng điều dưỡng, trường Cao đẳng Y Dược H, đang làm điều dưỡng tại Phòng khám tư ở Sài Gòn, muốn chuyển ra làm điều dưỡng tại Bệnh viện Đại Học Y Dược H. T nói đã xin cho nhiều người vào làm tại Bệnh viện và đi dạy tại các trường ở tỉnh TT H, nếu muốn xin vào làm điều dưỡng tại Bệnh viện Đại học Y Dược H thì chi phí hết 150.000.000 đồng, để lo quà cáp và phần của T, nếu đồng ý thì đưa trước 75.000.000 đồng, đến tháng 02/2018 có quyết định biên chế vào làm

điều dưỡng tại Bệnh viện Đại học Y Dược H thì đưa số tiền còn lại, nếu qua tháng 02/2018 không có quyết định thì T trả lại đủ số tiền đã nhận. Tin tưởng lời nói của T, anh S đồng ý và hẹn 09 h ngày 07/10/2017 giao tiền cho T.

Khoảng 09h ngày 07/10/2017, T gặp anh S ở quán cà phê Nhà sách “PN”. T nhận của anh S số tiền 75.000.000 đồng và nói để khỏi L quan đến pháp luật, T viết giấy mượn tiền không ghi rõ lý do xin việc, đưa cho anh S cất giữ. T nói anh S bổ sung hồ sơ xin việc của Th. Khoảng 10 ngày sau, anh S giao bộ hồ sơ xin việc của Thuận cho T.

Hết thời hạn T cam kết xin việc, anh S nhiều lần L hệ với T để hỏi nhưng T cứ hẹn lần nữa. Anh S gửi đơn tố cáo hành vi của T đến Cơ quan Công an. Như vậy, Lê Trương Quỳnh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh S số tiền là 75.000.000 đồng. Hiện anh S yêu cầu T phải trả lại số tiền trên.

Vụ thứ 3: Khoảng 10h 30 phút ngày 01/01/2018, T đến nhà ông bà ngoại ở đường Nguyễn Quang Bích, thành phố H, thì gặp chị Trần Thị Kim H. Do có quen biết từ trước, nên chị H nói với T là có con gái tên Nguyễn Thị Kim Hà, tốt nghiệp Cử nhân sư phạm ngoại ngữ, trường Đại học Ngoại ngữ H từ tháng 9/2017 nhưng chưa xin được việc làm, T có nhiều mối quan hệ quen biết nhờ T xin giúp cho Hà đi dạy tại thành phố H. Nghe chị Hà nói vậy, T nói đã xin cho nhiều người đi dạy và vào các Cơ quan khác, trường hợp của Hà thì T xin vào dạy Ngoại ngữ tại các trường tiểu học thuộc phường Thuận H hoặc Thuận Thành, chi phí hết 140.000.000 đồng để T lo chi phí quà cáp và tiền công đi lại, nếu đồng ý thì đưa trước 70.000.000 đồng, đến tháng 4/2018 có quyết định biên chế đi dạy thì đưa số tiền còn lại, nếu sau tháng 4/2018 không có quyết định biên chế đi dạy, thì T trả lại đủ số tiền đã nhận. Tin tưởng lời nói của T, chị H đồng ý và hẹn trưa ngày 05/01/2018 sẽ giao tiền và hồ sơ.

Khoảng 11h 30 phút ngày 05/01/2018, T đến nhà chị H và nhận số tiền 70.000.000 đồng và hồ sơ xin việc của Hà. T nói để tránh L quan đến pháp luật, T viết giấy mượn tiền không ghi rõ lý do xin việc, rồi giao cho chị H cất giữ. Hết thời hạn T cam kết xin việc, chị H L hệ với T để hỏi nhưng T cứ hẹn lần nữa, chị H viết đơn tố cáo T đến cơ quan Công an. Như vậy, Lê Trương Quỳnh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị H số tiền là 70.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: T đã trả lại cho chị H 20.000.000 đồng. Hiện chị H yêu cầu T phải trả số tiền còn lại là 50.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 08 h ngày 02/3/2018, tại quán cà phê "Chợt Nhớ" đường Lê Quý Đ, thành phố H. T gặp anh Lê Văn L và anh Trần Văn B cùng vợ là chị Nguyễn Thị Hoài Nh. T nói T có 1 suất vào lái xe tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh TT H, nếu đồng ý thì đưa cho T số tiền 70.000.000 đồng để lo quà cáp cho lãnh đạo và tiền xăng xe cho T, trong tháng 3/2018 có quyết định biên chế vào lái xe, nếu sau tháng 3/2018 không có quyết định vào làm thì T trả đủ số tiền đã nhận. Tin tưởng lời nói của T, anh B đồng ý và hẹn đầu giờ chiều giao tiền và hồ sơ xin việc. Khoảng 14h cùng ngày, T gặp vợ chồng anh B và L tại quán cà phê "Chợt Nhớ", anh B đưa cho T số tiền 70.000.000 đồng và bộ hồ sơ xin việc. T viết giấy mượn tiền không ghi rõ lý do xin việc rồi giao cho anh B cất giữ.

Hết thời hạn T cam kết xin việc, anh B L hệ với T để hỏi nhưng T vẫn tiếp tục hứa hẹn nhưng không xin được việc, anh B viết đơn tố cáo T đến Cơ quan Công an. Như vậy, Lê Trương Quỳnh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh B số tiền là 70.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: T đã trả lại cho anh B 25.000.000 đồng. Hiện anh B yêu cầu T phải bồi thường số tiền còn lại là 45.000.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 08h30 phút ngày 18/4/2018, do cùng là bạn học phổ thông, nên T điện thoại cho anh Nguyễn Đức Th nói T có một suất vào lái xe tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh TT H. Tin tưởng lời T nói, anh Th nhờ T xin cho anh Huỳnh Quang Ph (là em vợ của anh Th). T nói chi phí hết 70.000.000 đồng để lo quà cáp cho lãnh đạo, đến tháng 5/2018 có quyết định đi làm, sau tháng 5/2018 không có quyết định thì T trả lại tiền. Anh Th đồng ý.

Khoảng 08h ngày 19/4/2018, tại trước Trung tâm nghệ thuật Lê Bá Đảng và Diêm Phùng Thị, đường Lê L, thành phố H, anh Th đưa trước cho T 20.000.000 đồng. Sau đó, khoảng 09h ngày 21/4/2018, tại ngã ba đường Lê L và Hoàng Hoa Thám, TP H. T gặp anh Th nhận thêm 50.000.000 đồng và hồ sơ xin việc của anh Phước. T nói để tránh L quan đến pháp luật, T viết giấy mượn tiền không ghi lý do xin việc, rồi giao giấy cho anh Th cất giữ.

Hết thời hạn T cam kết xin việc, anh Th L hệ với T để hỏi, T hứa hẹn nhiều lần nhưng không xin được việc nên anh Th viết đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an. Như vậy, Lê Trương Quỳnh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Th số tiền là 70.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: T đã trả lại cho anh Th 40.000.000 đồng. Hiện anh Th yêu cầu T bồi thường số tiền còn lại là 30.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 9h30 phút ngày (không xác định) tháng 7/2018, T đến ăn sáng tại quán phở của gia đình chị Võ Thị KL. Qua trò chuyện, T nói dối với chị L là mình có quan hệ với nhiều lãnh đạo tại tỉnh TT H, T có 2 chỗ là bán vé Lãng tâm thuộc Đại nội H và làm nhân viên văn phòng Bệnh viện Kim L thành phố H, nếu chị L cần thì để T xin. Tin tưởng lời nói của T, chị L nói T xin cho vào làm nhân viên văn phòng Bệnh viện Kim L. T nói vào đó chi phí hết 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, số tiền đó để lo quà cáp cho các lãnh đạo Sở Nội vụ, chị L nói T hỏi cụ thể nếu xin được thì nói lại để chị L chuẩn bị tiền và hồ sơ.

Khoảng 17h ngày 09/8/2018, T điện cho chị L và nói dối là lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh đã hứa nhận chị L vào làm nhân viên văn phòng tại Bệnh viện Kim L, đồng thời chuẩn bị số tiền 120.000.000 đồng để ngày 10/8/2018 làm quà cho các phòng L quan và lãnh đạo Sở Nội vụ. Chị L hỏi thời gian có quyết định đi làm, T nói tháng 10/2018 có quyết định biên chế vào làm việc, nếu qua tháng 10/2018 không có quyết định, thì T trả lại tiền đã nhận. Chị L đồng ý và hẹn trưa ngày 10/8/2018 giao tiền. Đến khoảng 11h ngày 10/8/2018, T đến nhà chị L nhận 120.000.000 đồng và nói để tránh L quan đến pháp luật, T viết giấy mượn tiền không ghi rõ lý do xin việc, rồi đưa giấy cho chị L cất giữ. Để chị L tin tưởng, T hẹn chị L ngày 11/8/2018 đi cùng T đến Sở Nội vụ lấy hồ sơ. Khoảng 09 h 30 phút ngày 11/8/2018, T mua trước 01 bộ hồ sơ xin việc tại quầy tập hóa (không nhớ tên

quầy), rồi cùng chị L đi đến Sở Nội vụ tỉnh TT H. Đến trước trụ sở, T nói chị L đứng ngoài đợi, để T vào lấy hồ sơ. T đi vào trong trụ sở ít phút rồi quay ra, đưa cho chị L bộ hồ sơ mua trước đó và nói về làm hồ sơ kèm bằng cấp chuyển cho T, để T trực tiếp đi nộp cho lãnh đạo Sở. Ngày 14/8/2018, T đến nhà chị L lấy bộ hồ sơ kèm các bằng cấp L quan.

Tiếp đó, khoảng 09h ngày 19/8/2018, muốn chiếm đoạt thêm tiền của chị L. T điện nói chị L chuẩn bị thêm số tiền 140.000.000 đồng để làm quà cho Giám đốc và Trưởng phòng Hành chính Bệnh viện Kim L, để họ ký quyết định biên chế vào làm việc cho nhanh. Chị L tin tưởng đồng ý và hẹn trưa ngày 20/8/2019 giao tiền. T nói cần trước 40.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng trưa ngày hôm sau đến lấy. Chị L đồng ý và nói T đến gặp Thân Trọng Yến Kh (sinh năm: 1993, trú tại: trú tại: 24 Trần Nguyên Đ, thành phố H, là cháu gái của chị L) để lấy tiền, do chị L đi công việc không có ở nhà. Khoảng 13 h 30 phút cùng ngày, T đến nhà chị L, gặp chị Khoa lấy 40.000.000 đồng. Đến khoảng 11 h ngày 20/8/2018, T đến nhà chị L lấy thêm 100.000.000 đồng, T viết thêm vào tờ giấy mượn tiền trước đó với nội dung có nhận thêm 140.000.000 đồng, rồi đưa giấy cho chị L cất giữ.

Hết thời hạn T cam kết xin việc, chị L liên lạc với T để hỏi nhưng T cứ hẹn lần nữa, chị L viết đơn tố cáo T đến cơ quan Công an. Như vậy, Lê Trương Quỳnh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị L số tiền là 260.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: T đã trả lại cho chị L 30.000.000 đồng. Hiện chị L yêu cầu T phải trả số tiền còn lại là 230.000.000 đồng.

Vụ thứ 7: Khoảng 08 h 30 phút ngày 29/10/2018, tại Bệnh viện Trung ương H. T gặp anh Nguyễn Công Th. T nói dối với anh Th là T có một suất vào lái xe tại Ngân hàng Viettinbank chi nhánh tại H, chi phí hết 70.000.000 đồng, đến cuối tháng 11/2018 có quyết định biên chế vào lái xe, nếu qua tháng 12/2018 không có quyết định, thì T sẽ trả lại đủ số tiền đã nhận. Tin tưởng lời nói của T, anh Th nhờ T xin cho anh Bành Thiện Nh, là người quen của anh Th và hẹn sáng ngày 30/10/2018 đưa trước cho T số tiền 20.000.000 đồng, khi nào có quyết định đi làm sẽ giao đủ 50.000.000 đồng. Khoảng 09 h ngày 30/10/2018, T gặp anh Th nhận 20.000.000 đồng, kèm 1 bộ hồ sơ xin việc của anh Nhân, T viết giấy nhận tiền đưa cho anh Th cất giữ.

Sau khi nghe tin, T bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố H khởi tố, bắt tạm giam về hành vi lừa đảo dưới hình thức xin việc làm, nên anh Th viết đơn tố cáo. Như vậy, Lê Trương Quỳnh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Th số tiền là 20.000.000 đồng. Hiện anh Th yêu cầu T phải trả lại số tiền trên.

Như vậy, Lê Trương Quỳnh T đã chiếm đoạt của 07 người với tổng số tiền là 655.000.000 đồng. (Sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng).

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Sau khi chiếm đoạt tài sản, Lê Trương Quỳnh T đã hoàn trả cho 05 người với tổng số tiền là 165.000.000 đồng, gồm chị Nguyễn Thị Nh 50.000.000 đồng, chị Trần Thị Kim H 20.000.000 đồng, anh Trần Văn B 20.000.000 đồng, anh

Nguyễn Đức Th 40.000.000 đồng và chị Võ Thị KL 30.000.000 đồng. Số tiền còn Lê Trương Quỳnh T chưa hoàn trả cho các bị hại.

Sau khi biết Lê Trương Quỳnh T lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chị Trần Thị L đã hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Nh số tiền là 10.000.000 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh TT H đã tiến hành xác minh tại các cơ quan, đơn vị mà T nhận tiền xin việc làm. Kết quả, không có đơn vị nào tiếp nhận hồ sơ xin việc do Lê Trương Quỳnh T mang đến nộp và trực tiếp đến xin việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TT H đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Lê Trương Quỳnh T trên các giấy mượn tiền mà T viết giao cho các bị hại. Kết quả, chữ ký, chữ viết trên các giấy mượn tiền đều do T viết, ký ra.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-P3 ngày 29/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H đã truy tố bị cáo Lê Trương Quỳnh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4, Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Trương Quỳnh T từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục thu giữ 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 75 L1 - 2440 để bảo đảm thi hành án và đề nghị tuyên án phí hình sự và dân sự theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TT H, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20/01/2017 đến ngày 30/10/2018, Lê Trương Quỳnh T do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, đã

dùng nhiều thủ đoạn gian dối dưới hình thức xin việc làm để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Nh; Anh Nguyễn S; chị Trần Thị Kim H; anh Trần Văn B; anh Nguyễn Đức Th; chị Võ Thị KL; anh Nguyễn Công Th, tổng cộng số tiền 655.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TT H đã truy tố bị cáo Lê Trương Quỳnh T về tội danh trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, sẽ bị xử lý nghiêm khắc, thế nhưng do động cơ vụ lợi muốn kiếm tiền nhanh chóng, nên bị cáo đã bất chấp tất cả, quyết tâm thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo T như sau:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường tổng cộng 165.000.000 đồng cho các bị hại, người bị hại đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS năm 2015. Do bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng Điều 54 để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này đối với chị Nguyễn Thị L, đã L hệ cho T gắp chị Nh và được T cho số tiền 10.000.000 đồng số tiền này chị L2 đã trả lại cho chị Nh. Chị L2 tin tưởng T có khả năng xin việc cho con của chị Nh và hoàn toàn không biết T dùng thủ đoạn gian dối xin việc làm để chiếm đoạt tài sản của chị Nh, do ý thức của chị L2 chỉ giúp chị Nh người bị hại chứ không có ý định chiếm đoạt tài sản của họ nên không có dấu hiệu đồng phạm với Lê Trương Quỳnh T.

Đối với anh Trương Quý H, bị cáo T khai đã đưa tiền, hồ sơ của chị Nguyễn Thị Nh và anh Trần Văn B cho anh Trương Quý H để anh Hùng đi xin việc. Kết quả điều tra, tranh tụng anh Hùng không thừa nhận việc đã nhận tiền và hồ sơ xin việc từ T, mặt khác việc giao nhận tiền, hồ sơ giữa T và anh Hùng không viết giấy, không có người chứng kiến, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi phạm tội, bị cáo Lê Trương Quỳnh T đã trả lại 165.000.000 đồng số tiền đã chiếm đoạt cho một số người bị hại như sau:

- Trả cho chị Nguyễn Thị Nh 50.000.000 đồng, chị L2 cũng đã trả cho chị Nh 10.000.000đ tổng cộng chị Nh đã nhận lại 60.000.000đ. Còn lại số tiền 30.000.000 đồng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nh không yêu cầu T bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Trả cho chị Trần Thị Kim H 20.000.000 đồng

- Trả cho anh Trần Văn B 20.000.000 đồng

- Trả cho anh Nguyễn Đức Th 40.000.000 đồng.

- Trả cho chị Võ Thị KL 30.000.000 đồng

Số tiền còn lại, xử buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan số tiền cụ thể là:

- Bồi thường cho Anh Nguyễn S số tiền: 75.000.000 đồng

- Bồi thường cho chị Trần Thị Kim H số tiền: 50.000.000 đồng

- Bồi thường cho anh Trần Văn B số tiền: 45.000.000 đồng

- Bồi thường cho anh Nguyễn Đức Th số tiền: 30.000.000 đồng

- Bồi thường cho chị Võ Thị KL số tiền: 230.000.000 đồng

- Bồi thường cho anh Nguyễn Công Th số tiền: 20.000.000 đồng.

* Như vậy, tổng số tiền bị cáo T buộc phải bồi thường cho những người bị hại là 450.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo Lê Trương Quỳnh T có giao cho chị Nguyễn Thị Nh 01 xe mô tô biển kiểm soát 75 L1 - 2440 để làm tin, chị Nh đã giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TT H, đây là tài sản riêng của bị cáo T nên tiếp tục thu giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ

Về án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 20.000.000đ + (50.000.000đ x 4%) = 22.000.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Trương Quỳnh T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Trương Quỳnh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 20/11/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 584, Điều 585; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Xử buộc bị cáo Lê Trương Quỳnh T phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho Anh Nguyễn S số tiền: 75.000.000 đồng
- Bồi thường cho chị Trần Thị Kim H số tiền: 50.000.000 đồng
- Bồi thường cho anh Trần Văn B số tiền: 45.000.000 đồng
- Bồi thường cho anh Nguyễn Đức Th số tiền: 30.000.000 đồng
- Bồi thường cho chị Võ Thị KL số tiền: 230.000.000 đồng
- Bồi thường cho anh Nguyễn Công Th số tiền: 20.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giữ 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Mio, số máy: 4D11-007988, biển kiểm soát 75 L1 - 2440 để bảo đảm thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Cục thi hành án dân sự tỉnh lập ngày 10/01/2020)

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Lê Trương Quỳnh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 22.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, báo bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT H;
- Phòng PV27- CA tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh TT- H
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: Tòa HS, Vp, Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Minh